

Bản tin Phân tích kỹ thuật

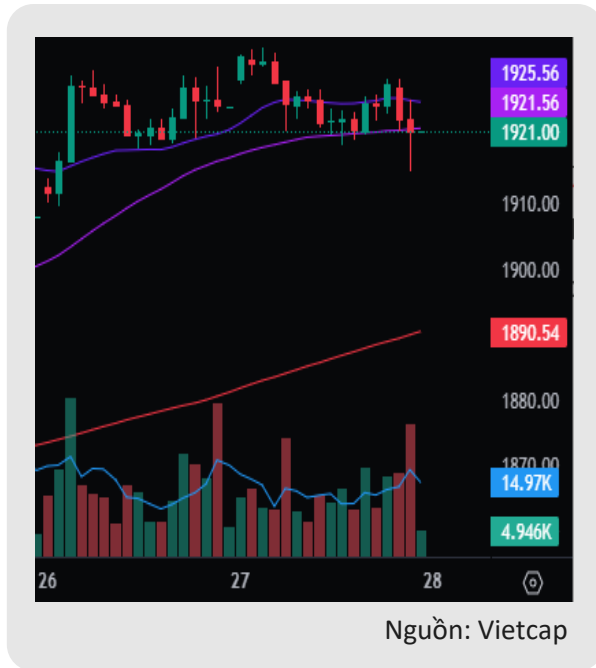
27/11/2025



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- VN30F2512 thu hẹp phần lớn đà giảm sau khi tiếp cận vùng giá 1.915 điểm. Dự báo đà tăng sẽ được củng cố nếu hợp đồng này vượt đường MA20 (1.926 điểm). (M15)
- Mua VN30F2512 khi xuất hiện nến đóng cửa trên ngưỡng 1.926 điểm, mục tiêu là vùng 1.934 điểm và dừng lỗ khi có nến đóng cửa vi phạm ngưỡng 1.921 điểm. (M15)

Chiến lược:

- Mua khi vượt (BS) 1.926 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.934 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.921 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tích cực	Trung tính
VN30	Tích cực	Tích cực
VNMid	Trung tính	Trung tính
VNSmall	Tiêu cực	Trung tính
HNX	Tiêu cực	Trung tính



Nguồn: Vietcap

- VN-Index thoái lui, thu hẹp một phần đà tăng trong ngày khi tiếp cận vùng 1.695 điểm. Chỉ số vẫn duy trì biên độ 1.680-1.700 điểm nhờ đóng cửa trên ngưỡng 1.680 điểm. Thanh khoản giảm vs phiên 26/11, thể hiện sự tiết chế từ lực cung. Trong ngắn hạn, mức Tích cực duy trì trên VN-Index và VN30-Index bởi không xuất hiện tín hiệu vi phạm đà tăng.
- Về hoạt động giao dịch, lực cầu lực cung phân hóa và không dàn trải như phiên 26/11. Tuy nhiên, không ghi nhận hoạt động cung bất thường khi VN-Index tiếp cận vùng 1.695 điểm. Về tín hiệu kỹ thuật, sau phiên tăng 26/11, nhóm Ngân hàng, Dầu khí, Bán lẻ và DV Tiện ích duy trì được quán tính hồi phục ở nhiều mã.
- VN-Index kết phiên tăng nhẹ, số mã tăng và giảm không chênh lệch đáng kể và thanh khoản ghi nhận quanh mức thấp. Chúng tôi cho rằng phiên 27/11 mang tính chất của phiên giao dịch củng cố và chỉ số sẽ tiếp tục chinh phục vùng giá 1.700 điểm trong ngày 28/11. Vùng 1.670 điểm đóng vai trò hỗ trợ đà tăng hiện tại và là ngưỡng dừng lỗ/giảm tỷ trọng cho các vị thế ngắn hạn.

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	248,000	1.22%	8.77%	955,548	2.416	2,287	6.6	108.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GEE	208,000	7.00%	21.71%	76,128	1.099	9,095	10.2	22.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VPL	89,500	2.64%	24.31%	160,500	0.874	1,457	5.1	61.4	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
VJC	202,000	-2.79%	6.09%	119,505	-0.689	2,897	4.9	69.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSB	13,050	6.97%	7.41%	40,716	0.586	1,729	1.0	7.6	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
GAS	63,000	1.61%	1.45%	152,016	0.506	5,014	2.3	12.6	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	23,500	1.08%	0.64%	189,292	0.420	3,017	1.5	7.8	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
VCB	57,900	-0.34%	-2.53%	483,794	-0.344	4,202	2.2	13.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VNM	62,000	-1.27%	2.14%	129,577	-0.341	4,160	3.8	14.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHM	102,500	0.39%	4.81%	421,010	0.341	6,133	1.9	16.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GVR	27,900	1.45%	-0.36%	111,600	0.335	1,569	1.9	17.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSI	33,200	-2.35%	-4.60%	68,920	-0.335	1,882	2.2	17.6	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	26,900	-0.74%	-1.28%	206,470	-0.315	1,876	1.7	14.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TCX	47,150	1.40%	4.78%	108,978	0.314	2,390	2.6	19.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
BID	37,550	0.54%	-1.05%	263,652	0.291	3,781	1.6	9.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSF	74,300	-0.80%	-5.35%	66,854	-3.887	4,851	5.6	15.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSV	148,200	1.51%	-2.18%	29,640	3.242	9,526	6.5	15.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HUT	17,200	2.38%	-1.71%	18,375	3.175	488	1.7	35.2	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	39,800	-2.69%	-3.40%	15,104	-2.949	4,849	2.3	8.2	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Trung tính
SHS	21,400	-1.38%	-2.73%	19,248	-1.932	1,519	1.6	14.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	29,000	-1.36%	-1.69%	19,102	-1.886	1,678	2.7	17.3	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
VIF	15,900	3.92%	6.71%	5,565	1.584	738	1.1	21.6	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BAB	12,500	1.63%	0.00%	12,540	1.480	1,055	1.0	11.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
NVB	14,000	0.72%	0.00%	26,945	1.407	-3,808	4.0	-3.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
LHC	120,000	8.11%	6.67%	1,729	1.018	9,919	3.1	12.1	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực

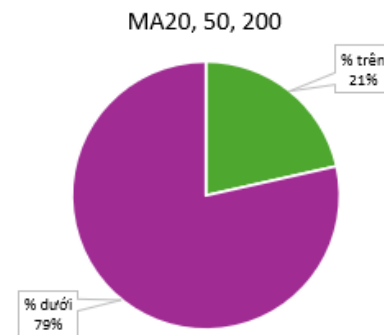
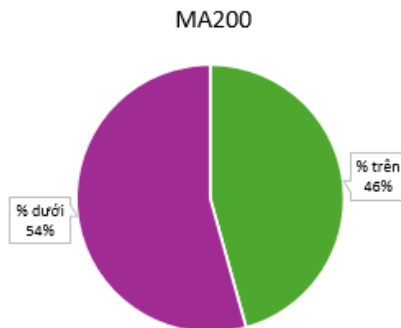
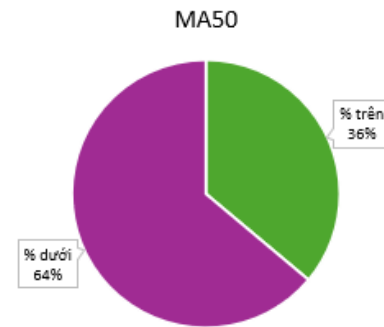
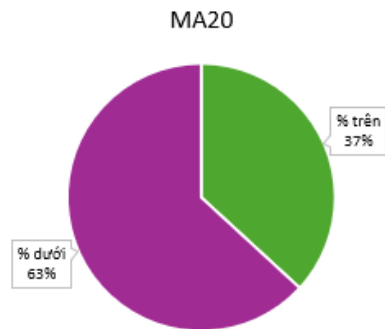
TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	73,200	-1.61%	-3.94%	224,107	-0.923	3,046	5.9	24.2	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
MSR	24,000	5.26%	6.67%	26,142	0.351	-389	2.2	-61.2	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
MVN	45,900	-1.71%	-2.34%	55,489	-0.243	1,438	4.1	32.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MCH	216,400	0.32%	0.74%	228,330	0.189	7,722	14.3	28.0	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
SEA	54,000	8.00%	8.00%	6,826	0.139	1,338	2.9	40.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CC1	29,900	-3.55%	-3.55%	11,938	-0.108	892	2.7	33.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HTM	10,300	14.44%	1.98%	2,486	0.092	-92	1.1	-123.1	Tích cực	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực
AGX	161,800	13.94%	0.25%	1,747	0.062	31,903	1.6	5.1	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tích cực
CMM	20,200	12.22%	5.76%	1,990	0.062	863	1.7	23.5	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
HNG	5,900	3.51%	0.00%	6,393	0.057	-1,005	4.0	-5.7	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	248,000	1.2%	584.0	786.3	39,900	245,000	6.6	108.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GEE	208,000	7.0%	298.6	98.4	22,606	194,400	10.2	22.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
DCL	38,500	6.2%	81.3	36.4	19,850	37,050	1.9	80.8	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
LHC	120,000	8.1%	5.1	2.5	65,000	113,900	3.1	12.1	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
C69	14,900	4.2%	35.3	6.8	5,500	14,300	1.3	20.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HID	7,720	4.3%	18.6	6.0	2,500	7,400	0.7	10.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
LGL	6,260	0.2%	7.9	1.9	2,400	6,250	0.5	-27.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
BCE	10,950	1.4%	9.1	0.7	6,605	11,818	1.0	3.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSB	13,050	7.0%	298.9	87.8	8,333	15,416	1.0	7.6	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
MST	5,800	5.5%	31.4	13.6	4,546	6,727	0.8	22.9	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
DPR	39,750	2.7%	78.4	23.6	32,990	49,985	1.4	9.9	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			27/11/2025	26/11/2025	25/11/2025	24/11/2025	21/11/2025	20/11/2025	19/11/2025	18/11/2025	17/11/2025	14/11/2025
VNINDEX	MA200	Trên	50%	50%	49%	51%	52%	52%	52%	53%	53%	52%
		Dưới	50%	50%	51%	49%	48%	48%	48%	47%	47%	48%
	MA50	Trên	35%	32%	29%	32%	32%	34%	35%	36%	33%	33%
		Dưới	65%	68%	71%	68%	68%	66%	65%	64%	67%	67%
	MA20	Trên	39%	41%	31%	38%	42%	46%	47%	54%	54%	44%
		Dưới	61%	59%	69%	62%	58%	54%	53%	46%	46%	56%
VN30	MA200	Trên	70%	70%	67%	67%	73%	73%	73%	83%	87%	83%
		Dưới	30%	30%	33%	33%	27%	27%	27%	17%	13%	17%
	MA50	Trên	30%	27%	20%	30%	33%	33%	37%	40%	40%	40%
		Dưới	70%	73%	80%	70%	67%	67%	63%	60%	60%	60%
	MA20	Trên	50%	43%	27%	40%	47%	53%	53%	67%	60%	43%
		Dưới	50%	57%	73%	60%	53%	47%	47%	33%	40%	57%
HNX	MA200	Trên	48%	46%	45%	47%	48%	47%	48%	48%	49%	48%
		Dưới	52%	54%	55%	53%	52%	53%	52%	52%	51%	52%
	MA50	Trên	36%	35%	32%	34%	35%	33%	34%	34%	36%	32%
		Dưới	64%	65%	68%	66%	65%	67%	66%	66%	64%	68%
	MA20	Trên	48%	46%	45%	47%	48%	47%	48%	48%	49%	48%
		Dưới	52%	54%	55%	53%	52%	53%	52%	52%	51%	52%
UPCOM	MA200	Trên	35%	33%	31%	32%	33%	34%	33%	34%	34%	33%
		Dưới	65%	67%	69%	68%	67%	66%	67%	66%	66%	67%
	MA50	Trên	37%	36%	35%	35%	34%	34%	33%	33%	34%	34%
		Dưới	63%	64%	65%	65%	66%	66%	67%	67%	66%	66%
	MA20	Trên	43%	42%	42%	41%	41%	42%	40%	41%	41%	40%
		Dưới	57%	58%	58%	59%	59%	58%	60%	59%	59%	60%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 18		Tháng 11																		Tháng 10	
		27 +	26	25	24	21	20	19	18	17	14	13	12	11	10	07	06	05	04	03	31
1	Bán lẻ	74	73	67	70	76	77	80	76	65	62	60	56	50	49	44	50	49	53	51	57
2	Hàng cá nhân & Gia ...	63	60	61	64	64	65	66	60	56	52	48	42	39	39	46	48	46	49	52	50
3	Điện, nước & xăng d...	59	58	60	63	67	67	65	61	59	55	51	48	45	47	51	55	51	54	55	56
4	Thực phẩm và đồ uố...	56	57	57	56	58	58	59	56	55	50	49	47	43	44	47	53	54	54	54	54
5	Hóa chất	54	54	54	54	56	57	57	54	49	46	42	38	35	37	45	52	49	49	50	51
6	Hàng & Dịch vụ Côn...	53	51	44	45	48	42	46	43	41	43	39	37	37	37	41	44	44	45	45	49
7	Bất động sản	52	53	50	51	44	45	46	44	40	36	38	36	34	39	48	51	54	52	55	58
8	Du lịch và Giải trí	52	50	45	42	43	42	44	40	36	35	35	33	32	34	35	37	36	37	39	41
9	Dầu khí	49	49	46	50	57	61	63	65	65	62	53	51	50	52	61	67	57	52	53	48
10	Tài nguyên Cơ bản	48	46	47	50	51	52	54	49	45	45	43	41	38	42	43	45	48	47	46	46
11	Viễn thông	47	46	51	58	58	59	62	61	57	52	53	49	46	47	54	56	58	63	68	68
12	Bảo hiểm	45	46	47	55	60	58	60	57	55	59	65	59	53	54	64	71	72	83	68	62
13	Xây dựng và Vật liệu	45	43	41	41	42	43	44	43	41	39	37	33	30	31	39	41	40	42	44	48
14	Công nghệ Thông tin	42	40	46	52	55	53	55	64	56	52	52	51	34	38	45	46	48	54	57	58
15	Y tế	42	41	-	-	-	-	-	-	-	-	-	60	-	-	-	65	66	75	-	-
16	Ô tô và phụ tùng	37	36	41	44	43	45	48	46	47	43	41	39	37	37	39	42	41	39	39	43
17	Ngân hàng	34	32	29	29	31	33	35	29	26	26	27	27	25	26	32	37	40	38	38	44
18	Dịch vụ tài chính	16	16	18	19	18	19	22	19	17	18	20	19	16	16	19	22	25	23	24	28

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	248,000	1.2%	8.8%	955,548	6.6	108.4	2,287	584.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPL	89,500	2.6%	24.3%	160,500	5.1	61.4	1,457	53.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
VNM	62,000	-1.3%	2.1%	129,577	3.8	14.9	4,160	248.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HDB	32,000	-0.9%	0.6%	123,501	1.9	7.8	4,099	360.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
GEE	208,000	7.0%	21.7%	76,128	10.2	22.9	9,095	298.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
MSB	13,050	7.0%	7.4%	40,716	1.0	7.6	1,729	298.9	Tích cực	9.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	35,400	0.0%	2.2%	39,726	2.2	41.3	857	303.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
POW	15,250	0.3%	2.0%	35,714	1.1	18.8	812	114.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KBC	35,700	-0.7%	1.3%	33,621	1.4	19.1	1,872	103.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSR	24,000	5.3%	6.7%	26,142	2.2	-61.2	-389	47.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
VPI	56,800	1.8%	2.7%	18,179	3.6	49.4	1,149	184.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
CII	26,000	-2.3%	1.0%	16,262	1.8	325.1	80	386.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
DGW	44,150	1.6%	-0.6%	9,765	3.0	18.3	2,412	149.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PVT	18,600	-2.4%	1.6%	8,741	1.1	8.9	2,090	61.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực
TLG	54,100	1.5%	2.1%	4,747	1.9	11.2	4,818	6.2	Tích cực	9.5	Trung tính	Tích cực	Tiêu cực
PET	32,850	0.3%	1.1%	3,506	1.5	15.7	2,095	35.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DPR	39,750	2.7%	4.1%	3,454	1.4	9.9	4,002	78.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
DCL	38,500	6.2%	13.7%	2,812	1.9	80.8	476	81.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
TRC	79,800	5.3%	4.6%	2,394	1.2	6.8	11,743	16.4	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
LHC	120,000	8.1%	6.7%	1,729	3.1	12.1	9,919	5.1	Tích cực	9.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VCB	57,900	-0.3%	-2.5%	483,794	2.2	13.8	4,202	181.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	53,000	0.0%	-2.4%	190,121	2.9	17.9	2,971	17.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCI	33,850	-1.6%	-3.4%	24,460	1.9	21.3	1,589	255.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VTP	99,800	-0.6%	-4.8%	12,154	7.0	31.8	3,139	25.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FTS	32,750	-0.9%	-2.7%	11,348	2.6	25.9	1,262	14.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
OIL	10,500	-0.9%	-0.9%	10,944	1.0	27.6	384	5.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CMG	37,550	0.1%	-1.8%	7,951	2.6	20.5	1,833	7.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BIC	22,350	-2.2%	-6.3%	4,516	1.4	7.9	2,816	7.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CSV	30,550	-0.7%	-3.9%	3,376	2.2	15.0	2,037	9.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSB	18,200	-1.6%	-3.7%	2,083	0.8	15.5	1,172	11.4	Tiêu cực	-7.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
CTF	19,800	-0.8%	0.3%	1,894	1.8	53.3	372	6.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VTO	11,550	-1.3%	-1.3%	922	0.8	8.2	1,409	5.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVC	10,700	-1.8%	-0.9%	869	0.9	43.6	246	6.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BCM	66,400	0.0%	0.5%	68,724	3.2	18.6	3,576	11.3	Tiêu cực	-6.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BID	37,550	0.5%	-1.1%	263,652	1.6	9.9	3,781	40.1	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLX	34,000	0.4%	-1.2%	43,200	1.7	16.3	2,090	23.2	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSV	148,200	1.5%	-2.2%	29,640	6.5	15.6	9,526	11.8	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HCM	22,450	-1.1%	-0.9%	24,245	2.3	16.1	1,399	119.6	Tiêu cực	-5.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	44,800	-2.1%	-1.3%	20,086	2.2	14.5	3,090	34.8	Tiêu cực	-5.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
DCM	33,950	0.0%	-2.4%	17,973	1.7	9.5	3,578	30.5	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	16,900	0.60%	0.60%	25,500	51.8%	178	1.4	94.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	35,700	-1.24%	0.99%	52,100	44.1%	2,159	1.8	16.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	44,800	-2.08%	-1.32%	64,100	40.1%	3,090	2.2	14.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	23,500	1.08%	0.64%	32,500	39.8%	3,017	1.5	7.8	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
ACB	24,350	0.62%	-1.81%	33,300	37.6%	3,385	1.4	7.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXS	10,000	-2.44%	-2.44%	14,100	37.6%	639	0.9	15.6	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính
DCM	33,950	0.00%	-2.44%	46,600	37.3%	3,578	1.7	9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	35,400	0.00%	2.16%	48,500	37.0%	857	2.2	41.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DXG	18,750	-2.09%	-3.10%	26,000	35.8%	401	1.5	46.8	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	31,350	-0.16%	-3.39%	42,400	35.0%	1,763	1.8	17.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	31,800	0.67%	-1.09%	45,000	33.1%	2,841	1.1	11.2	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
CTG	48,850	-0.10%	-0.51%	65,000	32.9%	6,208	1.6	7.9	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
TCB	33,750	-0.30%	-2.46%	44,800	32.3%	3,112	1.5	10.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	39,800	-2.69%	-3.40%	54,000	32.0%	4,849	2.3	8.2	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Trung tính
HPG	26,900	-0.74%	-1.28%	35,700	31.7%	1,876	1.7	14.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VPB	29,100	0.34%	1.93%	38,000	31.0%	2,603	1.5	11.2	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tích cực
PNJ	90,200	3.44%	2.73%	113,500	30.2%	6,918	2.6	13.0	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
NVL	14,850	-4.19%	-1.66%	20,000	29.0%	(1,952)	0.8	-7.6	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Tích cực
MSN	78,500	-0.13%	0.00%	101,200	28.8%	2,196	3.4	35.8	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
ACG	35,700	0.14%	0.42%	45,800	28.5%	2,973	1.2	12.0	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Tuan Nhan

**Managing Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 107

tuan.nhan@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn